

Phân biệt Hiện tại đơn & Hiện tại tiếp diễn

PRESENT SIMPLE & PRESENT CONTINUOUS

Present Simple



Present Continuous



S + verb

S + am/is/are (not) + V-ing

Express general truths

Describe actions happening now

E.g. It rarely rains in the desert.

E.g. She is reading a newspaper upstairs.

*Dấu hiệu:

Hiện tại đơn (Present Simple Tense)	Hiện tại tiếp diễn (Present Continuous Tense)
Trong câu có các trạng từ chỉ tần suất như: • always (luôn luôn) • often (thường xuyên) • usually (thông thường) • sometimes (thỉnh thoảng) • Seldom/ Rarely/ Hardly (hiếm khi) • Never (không bao giờ) • every day/ week, month (mỗi ngày/ tuần/ tháng), v.v... • once/ twice/ three times/ ... (1 lần/ 2 lần/ 3 lần,...)	Trong câu có các trạng từ chỉ thời gian: • now (hiện nay, ngay lúc này) • at present (hiện tại) • at the moment (tại thời điểm này), • right now (ngay bây giờ) • các động từ có tính đề nghị, mệnh lệnh như: Look!, Listen!, Be quiet!, ... • *always (luôn luôn) → phản nản

***Present simple (hiện tại đơn):**

1. My best friend (write)_____ to me every week.
2. I (bake)_____ cookies twice a month.
3. Emma and Betty (be)_____ good friends.

Design by Mr. Truong

4. I like Math and she (like) _____ Literature.
5. My life (be) _____ so boring. I just watch TV every night.

***Present continuous** (hiện tại tiếp diễn):

6. My dog _____ (eat) now.
7. Listen! Our teacher _____ (speak).
8. My kids _____ (play) chess right at the moment.
9. I _____ (be) in the bathroom right now.
10. Alex _____ always _____ (borrow) me cash.

**Câu 10: phân nản: Alex luôn luôn mượn tiền của tôi*

***Mixed tenses** (hiện tại đơn & hiện tại tiếp diễn):

11. Hey! Answer me! I (talk) _____ to you!
12. He usually (ride) _____ his bicycle around the lake near his house.
13. The train (leave) _____ the station at 7 am.
14. Right now, I (study) _____ at a community college in Boston.
15. I (look) _____ for a job at the moment.
16. The sun (rise) _____ in the East and (set) _____ in the West.
17. It (rain) _____, don't forget your umbrella!
18. Scientists (look) _____ for a cure for Covid 19 at present.
19. Asia (be) _____ the name of a continent.
20. There (be) _____ many great universities in big cities.